

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 393/2025/DS-PT
Ngày 17 - 9 - 2025
V/v tranh chấp đường thoát nước

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Đề

Ông Lê Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp đường thoát nước*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35a/2025/DS-ST, ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Vĩnh Long) bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 276/2025/QĐ-PT, ngày 01 tháng 8 năm 2025 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa số: 189/TB-TA ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Nay là: Ấp B, xã L, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu D1: Ông Đặng Văn C, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp V, phường L, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 04/8/2025, có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Quốc Trí E, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Nay là: Ấp B, xã L, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Ông Hồ Quốc A, sinh năm 1974

2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Nay là: Ấp B, xã L, tỉnh

Vĩnh Long), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Quốc A, ông Nguyễn Văn M: Ông Đặng Văn C, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp V, phường L, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 04/08/2025, có mặt.

- *Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn D là nguyên đơn; ông Hồ Quốc Trí E là bị đơn; ông Hồ Quốc A và ông Nguyễn Văn M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn D và người đại diện theo ủy quyền của ông D trình bày và có yêu cầu như sau:

Gia đình ông D có phần đất diện tích 51.959m² thuộc thửa 575, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003, trong này có bao gồm đường nước ngang 08m, dài khoảng 60m sử dụng từ trước đến nay. Quá trình Nhà nước làm đê biển nên tách thửa này thành 02 thửa (thửa 575 diện tích 43,300m² và thửa 917 diện tích 2.711,7m²); giáp ranh thửa đất của ông là đất của ông Hồ Quốc Trí E thuộc thửa 1693. Vào năm 2023, khi đo đạc lại đất trên địa bàn xã H thì ông Hồ Quốc Trí E cho rằng đường nước ngang 08m, dài khoảng 60m là của gia đình ông Trí E, nên ông Trí E đã cặm trụ ranh qua hết đường nước của gia đình ông D và không cho gia đình ông D sử dụng đường nước này trong khi đường nước này là của gia đình ông D, nên ông D yêu cầu Toà án xem xét công nhận đường nước này cho gia đình ông D. Quá trình tranh chấp, thẩm định tại chỗ xác định đường nước này thuộc thửa 1693 của ông Hồ Quốc Trí E, nên ông D có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu được sử dụng đường nước này, nếu ông Trí E chuyển nhượng đường nước này thì ông D tiếp tục cho ông Trí E đứng tên quyền sử dụng đất và ông D sẽ tiếp tục giữ nguyên hiện trạng của đường nước và cho các hộ cùng nhau sử dụng chung. Nếu không thì ông D yêu cầu được quyền sử dụng đường nước này, vì đây là đường nước duy nhất mà ông D sử dụng để phục vụ việc nuôi trồng thủy sản.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Quốc Trí E trình bày và có yêu cầu như sau:

Ông Trí E xác định đường nước tranh chấp nằm trong thửa 1693, tờ bản đồ số 3, thuộc phần đất của gia đình ông, đã được cấp quyền sử dụng đất. Từ trước đến nay ông Trí E cho ông Hồ Quốc A và ông Nguyễn Văn M sử dụng chung đường nước mà không thu bất kỳ khoản tiền nào. Đối với ông D thì ông Trí E không chuyển nhượng đường nước cho ông D cũng như không cho ông D sử dụng đường nước, nếu ông D muốn sử dụng đường nước này thì ông Trí E sẽ cho ông D thuê, thời hạn thuê cũng như giá thuê do hai bên tự thương lượng theo nguyên tắc thỏa thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Hồ Quốc A và ông Nguyễn Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày và có yêu cầu như sau: Ông

A và ông M đều thông nhất đường nước này thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Quốc Trí E, tuy nhiên đường nước này là duy nhất để phục vụ việc nuôi trồng thủy sản của ông A, ông M. Nên hai ông yêu cầu được sử dụng đường nước. Nếu ông Trí E đồng ý chuyển nhượng đường nước thì hai ông sẽ nhận chuyển nhượng và tiếp tục sử dụng đường nước để làm đường nước chung cho các hộ tiếp tục sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 35a/2025/DS-ST, ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Vĩnh Long) đã quyết định:

Căn cứ các khoản 9 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 245, 248, 252 của Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, *Đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D;

Ông Nguyễn Văn D được sử dụng đường cấp thoát nước diện tích 1.071,3m² thuộc thửa 1693, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp B, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Buộc ông Nguyễn Văn D trả cho ông Hồ Quốc Trí E giá trị đường cấp thoát nước này bằng số tiền $135.000 \text{ đ/m}^2 \times 1.071,3\text{m}^2 = 144.625.500$ đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn D cho ông Hồ Quốc Trí E đứng tên quyền sử dụng đất đường cấp thoát nước diện tích 1.071,3m², thuộc thửa 1693, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp B, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cũng như sử dụng đường nước này làm đường nước chung cho các hộ ông Nguyễn Văn D, ông Hồ Quốc A, ông Nguyễn Văn M, ông Hồ Quốc Trí E, ông Hồ Quốc T cùng sử dụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, ông Nguyễn Văn D, ông Hồ Quốc A, ông Nguyễn Văn M kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng ông Nguyễn Văn D, ông Hồ Quốc A và ông Nguyễn Văn M cùng trả giá trị quyền sử dụng đất đường cấp thoát nước theo giá mà Hội đồng định giá đã định, đồng thời buộc ông Hồ Quốc Trí E phải tách quyền sử dụng đất diện tích 1.071,3m² thuộc thửa 1693, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại tại ấp B, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Nay là Ấp B, xã L, tỉnh Vĩnh Long) cho cả 03 người (ông Nguyễn Văn D, ông Hồ Quốc A và

ông Nguyễn Văn M) cùng đứng tên trọn quyền sử dụng đất đường thoát nước này. Các ông đồng ý tự nguyện cho ông Hồ Quốc Trí E và ông Hồ Quốc T sử dụng chung đường nước này nếu có nhu cầu sử dụng;

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, ông Hồ Quốc Trí E nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D. Ông Hồ Quốc Trí E đồng ý cho ông Nguyễn Văn D thuê đường nước có thời hạn theo sự thỏa thuận của hai bên, không đồng ý nhận tiền bồi hoàn giá trị đất từ ông D để ông D sử dụng đường nước vĩnh viễn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập giữ nguyên yêu cầu độc lập và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến trình bày của người đại diện cho nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Đường nước này là đường nước duy nhất cấp thoát nước vụ phục cho nuôi trồng thủy sản, canh tác đất của ông D, ông M, ông A và những hộ phía trong. Quá trình sử dụng, ông D đã bỏ tiền ra thuê xe múc cho thông đường nước, lấy nước ra vào để nuôi tôm, không có ai ngăn cản. Theo bản án sơ thẩm, xác định diện tích đất tranh chấp bằng 1.071,3m² và buộc ông D phải hoàn giá trị bằng 144.625.500 đồng là hoàn nguyên giá, nhưng lại không buộc bị đơn tách đất ra giao cho nguyên đơn là không hợp lý, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng cho các ông D, M, A cùng hoàn giá trị đất và tuyên tách phần đất tranh chấp này ra để cho 03 người (D, M, A) cùng đứng tên quyền sử dụng.

Ý kiến trình bày bị đơn: Không thống nhất với yêu cầu của ông D, ông M và ông A, chỉ đồng ý cho ông D thuê có thời hạn, giá theo thỏa thuận, không đồng ý nhận hoàn giá trị đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Theo hồ sơ vụ án cũng như trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy đây là đường cấp thoát nước duy nhất của các hộ có tên trong vụ án này và xác định nằm trong diện tích đất của bị đơn. Do vậy việc nguyên đơn và người liên quan kháng cáo yêu cầu được tách quyền sử dụng là không đúng, từ đó kháng cáo của các đương sự là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân, giữ nguyên bản án dân sự sơ

thẩm số: 35a/2025/DS-ST, ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Vĩnh Long); các đương sự kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, ông Hồ Quốc A, ông Nguyễn Văn M, ông Hồ Quốc Trí E còn trong hạn luật định và hợp lệ nên chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đã có làm văn bản ủy quyền cho người tham gia tố tụng hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng quy định.

[3] Xét nội dung vụ án và đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, ông Hồ Quốc A, ông Nguyễn Văn M, ông Hồ Quốc Trí E, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Theo kết quả khảo sát, đo đạc diện tích đất tranh chấp theo Công văn số: 1105/CNTXDH và sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo ngày 18/12/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai, đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Hồ Quốc Trí E vào ngày 10/8/2022 (các bên đương sự không có ai khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận này) thì có đủ cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp 1.071,3m² nằm trong diện tích 8.174,9m², thuộc thửa 1693 của ông Hồ Quốc Trí E và diện tích đất này tương ứng với đường thoát nước phục vụ cấp - thoát nước chung cho việc sản xuất, canh tác, nuôi trồng thủy sản đối với các thửa đất liền kề nhau (đất của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án), các bên đều thừa nhận về thời gian sử dụng chung cũng là đường cấp thoát nước duy nhất mà các hộ ông Nguyễn Văn D, hộ Hồ Quốc A, hộ Nguyễn Văn M, hộ Hồ Quốc Trí E, hộ Hồ Quốc T sử dụng.

[3.1] Xét kháng cáo của ông Hồ Quốc Trí E, yêu cầu không giao cho ông Nguyễn Văn D sử dụng chung vĩnh viễn mà yêu cầu được cho ông D thuê đường nước có thời hạn theo sự thỏa thuận giữa 02 bên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Theo quy định tại Điều 246 của Bộ luật dân sự về căn cứ xác lập quyền đối với bất động sản liền kề quy định “*Quyền bất động sản liền kề được xác lập do địa thế tự nhiên*” và Điều 252 của Bộ luật dân sự năm 2015, quyền về cấp - thoát nước qua bất động sản liền kề quy định “*Trường hợp do vị trí tự nhiên của bất động sản mà việc cấp, thoát nước buộc phải qua một bất động sản khác thì chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua phải dành một lối cấp, thoát nước thích hợp không được*

cản trở hoặc ngăn chặn dòng nước chảy; người sử dụng lối cấp thoát nước phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua khi lắp đặt đường dẫn nước; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường”. Ở đây các hồ nuôi tôm của ông D buộc phải sử dụng đường nước này để phục vụ việc nuôi trồng thủy sản và các nhu cầu khác khi sử dụng đất, việc sử dụng này là lâu dài, không xác định được thời hạn, có thể kéo dài từ đời này sang đời khác, cho nên để giải quyết triệt để vụ việc tranh chấp, không thể chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Quốc Trí E về việc cho ông D thuê đường nước có thời hạn theo sự thỏa thuận.

[3.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Hồ Quốc A, ông Nguyễn Văn M kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng cho ông Nguyễn Văn D, ông Hồ Quốc A và ông Nguyễn Văn M cùng hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất đường cấp thoát nước theo giá mà Hội đồng định giá đã định, đồng thời buộc ông Hồ Quốc Trí E phải tách quyền sử dụng đất diện tích 1.071,3m² nằm trong tổng diện tích 8.174,9m², thuộc thửa 1693, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Nay là: Ấp B, xã L, tỉnh Vĩnh Long) cho cả 03 người (ông Nguyễn Văn D, ông Hồ Quốc A và ông Nguyễn Văn M) cùng đứng tên trọn quyền sử dụng đất đường cấp thoát nước này. Các ông đồng ý tự nguyện cho ông Hồ Quốc Trí E và ông Hồ Quốc T sử dụng chung đường nước này nếu có nhu cầu sử dụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

- *Về yêu cầu được tách quyền sử dụng đất và trọn quyền sử dụng đất:* Đây là vụ án tranh chấp về đường cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề theo quy định tại Điều 252 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Như nhận định ở mục [3.1], do đó buộc phía người chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua phải dành một lối cấp, thoát nước thích hợp, không được cản trở hoặc ngăn cản dòng chảy, chứ đây không phải là giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, do đó không thể tách quyền sử dụng đất cho phía nguyên đơn ông Nguyễn Văn D, ông Hồ Quốc A và ông Nguyễn Văn M cùng đứng tên trọn quyền sử dụng đất đường cấp thoát nước này được. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các bên được liên hệ đến cơ quan quản lý đất đai để đăng ký hạn chế giao dịch đối với diện tích đường cấp thoát nước này theo quy định của luật đất đai. Đồng thời, trong quá trình sử dụng, các bên được thực hiện việc khai thông đường nước chung để phục vụ cho nhu cầu cấp thoát nước, không ai được cản trở, không được gây thiệt hại cho chủ sở hữu có đường nước đi qua, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường;

- *Về việc kháng cáo yêu cầu cùng bồi hoàn giá trị đất:* Xét thấy bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn D phải trả cho ông Hồ Quốc Trí E giá trị đường cấp thoát nước tranh chấp số tiền bằng 144.625.500 đồng, trong khi đây được xác định là đường cấp, thoát nước “do địa thế tự nhiên, đường cấp thoát nước chung duy nhất cho các hộ có quyền sử dụng đất liền kề có tên trong vụ án”, cho nên buộc ông Nguyễn Văn D 01 mình phải hoàn giá trị quyền sử dụng đất là chưa hợp lý. Từ đó,

xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của ông D, ông M và ông A cùng hoàn trả cho ông Hồ Quốc Trí E số tiền 144.625.500 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng), tương ứng mỗi người (ông D, ông M và ông A) phải trả cho bị đơn số tiền 48.208.500 đồng (Bốn mươi tám triệu hai trăm lẻ tám nghìn năm trăm đồng).

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kháng cáo của ông Hồ Quốc Trí E không được chấp nhận và ông Hồ Quốc Trí E không thuộc diện được miễn án phí nên buộc ông Hồ Quốc Trí E phải chịu án phí phúc thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Hồ Quốc Trí E đã nộp theo biên lai thu số 0013397 ngày 03/06/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực X – Vĩnh Long);

Kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, ông Hồ Quốc A và ông Nguyễn Văn M được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận 01 phần, do đó được hoàn trả lại số tiền nộp tạm ứng án phí. Theo đó, hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn D số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013407 ngày 13/06/2025; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn M số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013408 ngày 13/06/2025; hoàn trả lại cho ông Hồ Quốc A số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013406 ngày 13/06/2025 cùng của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực X – Vĩnh Long).

[5] Ngoài ra, xét tại Quyết định của bản án sơ thẩm có tuyên “ ông Nguyễn Văn D được sử dụng đường cấp, thoát nước diện tích 1.071,3m², thuộc thửa 1693, tờ bản đồ số 3, ... (có sơ đồ vẽ kèm theo)”. Tuy nhiên, qua việc kiểm tra bản án chính (lưu trong hồ sơ vụ án) và bản án phát hành cho đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, đều không kèm theo sơ đồ khu đất, do đó sẽ gây khó khăn, kéo dài cho việc thi hành án (phải ra văn bản yêu cầu Tòa án cung cấp sơ đồ khu đất tranh chấp), vì vậy, cấp phúc thẩm cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm, khi tuyên án kèm theo sơ đồ khu đất thì phải đính kèm theo bản án cho đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận 01 phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M, ông Hồ Quốc A.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Quốc Trí E.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 35a/2025/DS-ST, ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Vĩnh Long).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D; chấp nhận yêu độc lập của ông Nguyễn Văn M, ông Hồ Quốc T.

Ông Nguyễn Văn D, ông Hồ Quốc Trí E, ông Nguyễn Văn M, ông Hồ Quốc T, ông Hồ Quốc A được sử dụng chung đường cấp thoát nước diện tích 1071,3m² (phần B của sơ đồ khu đất tranh chấp) thuộc thửa 1693, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ấp B, xã L, tỉnh Vĩnh Long). Đồng thời, trong quá trình sử dụng các bên được thực hiện việc khai thông đường nước chung để phục vụ cho nhu cầu cấp thoát nước, không ai được cản trở, quá trình cải tạo không được gây thiệt hại cho chủ sở hữu có dòng nước chảy qua, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Ông Nguyễn Văn D, ông Hồ Quốc Trí E, ông Nguyễn Văn M, ông Hồ Quốc T, ông Hồ Quốc A được liên hệ đến cơ quan quản lý đất đai để đăng ký hạn chế giao dịch đối với diện tích đất sử dụng chung làm đường thoát này.

(Kèm theo Công văn số: 2105/CNTXDH và sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 18/12/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã D, tỉnh Trà Vinh – nay là Chi nhánh văn phòng Đ).

2. Buộc ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M, ông Hồ Quốc A phải trả cho ông Hồ Quốc Trí E giá trị đường cấp thoát nước sử dụng chung bằng số tiền bằng 144.625.500 đồng, chia ra mỗi người (ông D, ông M, ông A) phải có nghĩa vụ hoàn trả theo phần bằng 48.208.500 đồng (Bốn mươi tám triệu hai trăm lẻ tám nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M, ông Hồ Trí A1 cho ông Hồ Quốc T cùng sử dụng chung đường nước mà không cùng hoàn giá trị đất.

4. *Về chi phí thẩm định, định giá:* Tổng số tiền 4.100.000 đồng, các ông D, Trí E, ông M, ông A1 mỗi người chịu $\frac{1}{4}$ chi phí này tương ứng số tiền 1.025.000 đồng. Do ông D đã nộp khoản chi phí này, nên các ông A1, ông M, ông Trí E mỗi người phải nộp để hoàn trả lại cho ông D.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M, ông Hồ Quốc A không chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó hoàn trả lại cho ông D, ông M,

ông A mỗi người 300.000 đồng, theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0013317; 0013316; 0013315 cùng ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực X – Vĩnh Long);

Buộc ông Hồ Quốc Trí E nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nộp tại cơ quan thi hành án dân sự.

6. *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Buộc ông Hồ Quốc Trí E phải chịu án phí phúc thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Hồ Quốc Trí E đã nộp theo biên lai thu số 0013397 ngày 03/06/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực X – Vĩnh Long);

Hoàn trả lại số tiền nộp tạm ứng án phí lại cho ông Nguyễn Văn D số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013407 ngày 13/06/2025;

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn M số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013408 ngày 13/06/2025;

Hoàn trả lại cho ông Hồ Quốc A số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013406 ngày 13/06/2025;

Cùng của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực X – Vĩnh Long).

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị, không bị sửa đổi bổ sung có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực X – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực X – Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Thị Kim Châu